

2 – Văn bản qui phạm pháp luật về ATVSLĐ ở Việt Nam

2.1- Văn bản luật

STT	Tên văn bản
1	Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 - Điều 56
2	Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân 1989
3	Luật Công đoàn 1990
4	Luật Bảo vệ môi trường 1993
5	Bộ Luật lao động 1994
6	Luật Phòng cháy chữa cháy 2001
7	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật lao động 2002
8	Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 2001
9	Luật Điện lực 2004
10	Luật Xây dựng 2003

2.2 – Văn bản dưới luật

2.2.1- *Danh sách các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản dưới luật về ATVSLĐ*

TT	Cơ quan	Loại văn bản
1	Chính phủ	Nghị định, quyết định, chỉ thị.
2	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Ban hành các văn bản pháp luật, các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm Nhà nước về an toàn lao động, tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.
3	Bộ Y tế	Ban hành và quản lý thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn vệ sinh lao động, tiêu chuẩn sức khoẻ đối với các nghề, các công việc.
4	Bộ Khoa học, Công nghệ	Ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy cách các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế xây dựng ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động;
5	Các Bộ, ngành khác	Ban hành, hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động cấp

		ngành. Trước khi ban hành các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động cấp ngành phải có sự tham gia của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đối với tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động, Bộ Y tế đối với tiêu chuẩn, quy phạm vệ sinh lao động
6	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Ban hành các chỉ thị, hướng dẫn thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương mình.

(Theo Luật Ban hành văn bản, Bộ luật Lao động và Nghị định số 06/CP ngày 20/1/1995, Nghị định số 110/2002/NĐ ngày 27/12/2002)

2.2.2- Các văn bản do Chính phủ ban hành

TT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
1.	Nghị định 195/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Nghị định 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 195/CP ngày 31/12/1994 về thời giờ làm việc – thời giờ nghỉ ngơi.	- Thời giờ làm việc không quá tám giờ trong một ngày; không quá 48 giờ trong một tuần. - Thời giờ làm việc trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm được rút ngắn từ 1 đến 2 giờ theo danh mục BYT – BLĐTBXH ban hành. - Thời giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc trong mỗi ngày, Tổng số thời gian làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm. Trường hợp đặc biệt cũng không quá 300 giờ/năm.
2.	Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ Qui định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về ATLĐ-VSLĐ. Nghị Định 110/2002/NĐ - CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số	- Lập báo cáo khả thi về các biện pháp đảm bảo AT- VSLĐ. - Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng qui cách và chất lượng theo tiêu chuẩn. - Khám sức khỏe cho người lao động

	điều của nghị định 06/NĐ-CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của BLLĐ về AT-VSLĐ	1 năm một lần, người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại 6 tháng một lần. - Huấn luyện về ATLĐ - VSLĐ. - Đăng ký kiểm định khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.
3.	Nghị định 113/2004/NĐ-CP ngày 16/4/2004 của Chính phủ Về việc Qui định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động	- Xử phạt hành chính đối với tổ chức cá nhân VN có hành vi vi phạm pháp Luật lao động mà không phải là tội phạm và theo qui định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính xảy ra trong lãnh thổ VN. - Cá nhân tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính pháp luật lao động trong phạm vi lãnh thổ VN cũng bị xử phạt hành chính theo qui định của Nghị định này (trừ trường hợp trong điều ước Quốc tế mà VN ký kết hoặc tham gia có qui định khác).
4.	Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 26/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong tình hình mới.	- Bộ LĐTBXH phối hợp với Bộ Y tế soát xét hoàn thiện và bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về BHLĐ đặc biệt là các Qui phạm về ATVSLĐ, củng cố nâng cao hiệu lực của hệ thống thanh tra ATLĐ, VSLĐ. - Phối hợp TLĐLĐVN và các Bộ ngành liên quan nghiên cứu xây dựng chương trình Quốc gia về Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động. - Bộ Y tế sửa đổi bổ sung các tiêu chuẩn vệ sinh lao động, xây dựng tiêu chuẩn sức khỏe, khám tuyển đối với người lao động làm công việc, nặng

		nhọc, độc hại, nguy hiểm; đồng thời nâng cao hiệu quả việc cấp cứu khi xảy ra TNLĐ. - Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện công tác BHLĐ, hướng dẫn và tổ chức khen thưởng công tác này.
5.	Nghị định số 58/2002/NĐ- CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ	Điều lệ Quản lý thuốc Bảo vệ thực vật
6.	Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ.	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
7.	Chỉ thị số 20/2004/CT-TTg ngày 8/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác an toàn- vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp	Hoàn thiện các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan đến việc thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp - Tăng cường công tác phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp - Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức cho người sử dụng lao động và người lao động trong sản xuất nông nghiệp về các qui phạm pháp luật, các tiêu chuẩn qui trình, qui phạm kỹ thuật, các biện pháp phòng ngừa TNLĐ khi sử dụng máy, thiết bị, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - Tăng cường hợp tác Quốc tế trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp. - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các qui định về an toàn - vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp.

8.	Quyết định số 40/2005/QĐ-TTg ngày 28/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Quốc gia về bảo hộ lao động	- Hội đồng quốc gia về bảo hộ lao động tư vấn cho Chính phủ về chủ trương, phương hướng, cơ chế chính sách và tổ chức phối hợp hoạt động của các Bộ ngành về công tác BHLĐ; Những biện pháp chỉ đạo, điều hành các chủ trương, chính sách và chương trình quốc gia về BHLĐ; Làm đầu mối phối hợp giữa các Bộ ngành, tổ chức đoàn thể về công tác BHLĐ, để đảm bảo ATVSLĐ, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.
----	--	---

2.2.3 – Thông tư liên tịch

TT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
1.	Thông tư số 03/TT-LB ngày 28/1/1994 của Liên bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không sử dụng lao động nữ.	Các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ, bao gồm : 1. Nơi có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển; 2. Trong hầm lò; 3. Nơi cheo leo nguy hiểm; 4. Nơi làm việc không phù hợp với thần kinh, tâm lý phụ nữ; 5 Ngâm mình thường xuyên dưới nước, ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng; 6. Nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120 phút; 7 Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất có

		khả năng gây biến đổi gen; Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, gồm 49 loại công việc đối với lao động nữ nói chung và 83 công việc đối với lao động nữ có thai và cho con bú.
2.	Thông tư Liên tịch số 10/1999/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 17/3/1999 của Bộ LĐTBXH và Bộ Y Tế hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.	Điều kiện và mức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm các công việc thuộc các chức danh nghề, công việc độc hại nguy hiểm theo danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được nhà nước ban hành, được hưởng bồi dưỡng hiện vật, nếu có các điều kiện: a) môi trường có một trong các yếu tố nguy hiểm, độc hại không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của Bộ Y tế: Nhóm yếu tố vật lý như vi khí hậu, ồn, rung, áp suất, điện từ trường, ánh sáng, bức xạ; nhóm các yếu tố hoá học: hoá chất độc, hơi độc, khí độc, bụi độc. b) trực tiếp tiếp xúc với các nguồn lây nhiễm bởi các loại vi sinh vật gây bệnh cho người. Mức bồi dưỡng hiện vật được tính theo định suất và có giá trị bằng tiền tương ứng theo các mức sau: Mức 1, có giá trị bằng 2.000 đồng; Mức 2 có giá trị bằng 3.000 đồng; Mức 3 có giá trị bằng 4.500 đồng; Mức 4, có giá trị bằng 6.000 đồng.

3.	Thông tư Liên tịch số 08/TTLT-LĐTBXH-BYT ngày 20/4/1998 của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện các quy định về bệnh nghề nghiệp;	- Các biện pháp phòng chống bệnh; các quy định về khám phát hiện, chăm sóc người bị bệnh nghề nghiệp; giám định bệnh nghề nghiệp; bổ sung và danh mục bệnh nghề nghiệp; thực hiện các chế độ báo cáo.
4.	Thông tư Liên tịch số 14/TTLT-LĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 31/10/1998 của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế và Tổng LĐLĐVN hướng dẫn công tác bảo hộ lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.	- Tổ chức bộ máy và phân định trách nhiệm về bảo hộ lao động ở doanh nghiệp (Hội đồng bảo hộ lao động ở doanh nghiệp, Bộ phận bảo hộ lao động ở doanh nghiệp, Bộ phận y tế, mạng lưới an toàn, vệ sinh viên); - Xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động; - Công tác tự kiểm tra về bảo hộ lao động; - Thống kê, báo cáo và sơ kết, tổng kết.
5.	Thông tư Liên tịch số 09/TT-LB ngày 13/04/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.	13 Điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động chưa thành niên và danh mục 81 loại công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên (xem phụ lục 1 và 2).
6.	Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT - BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 8/3/2005 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế - Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hướng dẫn thực hiện chế độ	- Thống kê các thông tin chi tiết về nạn nhân, nơi và thời gian xảy ra tai nạn lao động, loại tai nạn lao động, tình trạng thương tích, nguyên nhân gây tai nạn lao động, mức thiệt hại. - Báo cáo tình hình tai nạn lao động 6 tháng đầu năm và cả năm, bao gồm các thông tin phân loại TNLĐ theo

	thống kê, báo cáo định kỳ về tai nạn lao động.	yếu tố gây chấn thương; phân loại tai nạn lao động theo mức độ tai nạn lao động; nguyên nhân tai nạn lao động; phân tích tình hình tai nạn lao động theo loại hình doanh nghiệp. - Trách nhiệm của các doanh nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành trong việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo tai nạn lao động.
7.	Thông tư liên tịch số 17/2003/TTLT/BTC - BNN&PTNT-BTS ngày 14/3/2003 của Bộ Tài chính – Bộ Nông nghiệp & PTNT – Bộ Thủy sản	Hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch thủy sản.

2.2.4- Các văn bản do Bộ LĐTBXH ban hành

TT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
1.	Thông tư số 07/LĐTBXH-TT ngày 11/04/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ Luật lao động và Nghị định số 195/CP ngày 31/1/2/1994 về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.	- Thời giờ nghỉ giữa ca là: + 30 phút nếu làm việc 8 giờ liên tục trong điều kiện bình thường; hoặc làm việc 7 giờ, 6 giờ liên tục trong trường hợp được rút ngắn; + 45 phút nếu làm việc liên tục vào ban đêm từ 22 đến 6 giờ hoặc từ 21 đến 5 giờ - Chế độ nghỉ hàng năm.
2.	Thông tư số 08/LĐTBXH-TT ngày 11/04/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động	Nội dung huấn luyện đối với người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc tổ chức huấn luyện cho người lao động; Nội dung huấn luyện đối với người sử dụng lao động và trách nhiệm của ngành chủ quản trong việc tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động.
3.	Thông tư số 23/LĐTBXH-TT ngày	Bổ sung quy định huấn luyện đối với những người làm công việc có yêu cầu

	19/9/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung thông tư số 08/LĐTBXH -TT ngày 11/04/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	ng nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động và tài liệu huấn luyện cho đối tượng này.
4.	Thông tư số 16/LĐTBXH-TT ngày 08/11/1997 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thời giờ làm việc hàng ngày được rút ngắn đối với những người làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.	Thời giờ làm việc hàng ngày được rút ngắn 02 (hai giờ) trong ngày làm việc áp dụng đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc, đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Hàng ngày, trong 6 giờ làm liên tục công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm người lao động có ít nhất 30 phút được nghỉ nếu làm việc vào ban ngày, có ít nhất 45 phút được nghỉ nếu làm việc vào ban đêm. Trong một ngày làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm người lao động không được làm thêm quá 3 giờ; Tổng thời giờ làm thêm trong tuần không được quá 9 giờ.
5.	Thông tư số 20/1997/TT-LĐTBXH ngày 17/12/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ khen thưởng hàng năm về công tác bảo hộ lao động.	Tiêu chuẩn khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích trong công tác an toàn - vệ sinh lao động; Hình thức khen thưởng đối với tập thể bao gồm: Giấy khen, bằng khen, cờ thi đua xuất sắc hoặc cờ thi đua luân lưu; Huân chương lao động; Hình thức khen thưởng đối với cá nhân bao gồm: Giấy khen, bằng khen, huân chương lao động.
6.	Thông tư số 10/1998/TT-LĐTBXH ngày 28/5/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực	- Đối tượng được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động. - Nguyên tắc trang bị, sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. - Trách nhiệm của người sử dụng lao

	hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.	động, người lao động.
7.	Thông tư số 21/1999/TT-LĐTBXH ngày 11/9/1999 của Bộ LĐTBXH quy định danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc.	Danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc; bao gồm các công việc sau: 1. Diễn viên: múa hát, xiếc, sân khấu (kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối v.v), điện ảnh. 2 Các nghề truyền thống: chằm men gốm, cưa vỏ trai, vẽ tranh sơn mài. 3 các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren, mộc mỹ nghệ. 4. Vận động viên năng khiếu: thể dục dụng cụ, bơi lội, điền kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng.
8.	Thông tư số 23/1999/TT-BLĐTBXH ngày 04/10/1999 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện chế độ giảm giờ làm việc trong tuần đối với các doanh nghiệp Nhà nước.	Nguyên tắc và điều kiện thực hiện giảm giờ làm việc trong tuần từ 48 giờ trong 6 ngày xuống 40 giờ trong 5 ngày hoặc trong 44 giờ trong 5,5 ngày; bố trí ca, kíp hợp lý để nghỉ 2 ngày hoặc 1,5 ngày trong tuần là sự tự nguyện của doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các điều kiện khi thực hiện chế độ này.
9.	Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03/6/2003 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ theo qui định của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP, ngày 27/12/2002 của Chính phủ	Các điều kiện, nguyên tắc làm thêm đến 200 giờ, đến 300 giờ/năm.
10.	Thông tư số 16/2003/TT-BLĐTBXH ngày 3/6/2003 của Bộ LĐTBXH	Hướng dẫn thực hiện chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính thời vụ và gia công hàng xuất khẩu theo đơn đặt hàng.
11.	Thông tư số 23/2003/TT-	Hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện

	BLĐTBXH ngày 3/11/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thủ tục đăng ký kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động.	công tác đăng ký, kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động. Danh mục 22 máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động. Danh mục 109 chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động.
12.	Thông tư số 10/2003/BLĐTBXH-TT ngày 18/4/2003 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp	Đối tượng được hưởng, mức, thủ tục bồi thường, trợ cấp và trách nhiệm bồi thường cho người bị tai nạn lao động của người sử dụng lao động: - Phân biệt rõ trường hợp TNLĐ và tai nạn được coi là TNLĐ. - Suy giảm sức lao động từ 5% trở lên được trợ cấp hoặc bồi thường từ NSDLĐ. - Bồi thường bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động do lỗi của NSDLĐ; trợ cấp tai nạn lao động trong trường hợp do lỗi của người lao động.
13.	Thông tư số 23/2000/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2000 hướng dẫn áp dụng một số chế độ đối với người lao động làm việc trong các trang trại.	- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi: + ...thời giờ làm việc do hai bên thỏa thuận nhưng không quá 8 giờ/ngày; thời giờ làm thêm không quá 4 giờ/ngày. + Làm việc 30 ngày/thông thờ cứ sau 6 ngày làm việc nghỉ 1 ngày; + làm việc liên tục từ 1 năm trở lên thờ cứ 1 năm làm việc người lao động được nghỉ phép 12 ngày có hưởng tiền cụng... - Bảo hộ lao động: + Chủ trang trại và người lao động phải thực hiện các biện pháp để đề phòng tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động. + ... chủ trang trại phải trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân (giày bảo hộ, nón hoặc mũ, găng tay bảo hộ, khẩu trang, xà phòng...) cho người lao động phù hợp với từng loại cụng việc. + ... chủ trang trại phải chịu toàn bộ

		chi phở y tế và tiền cung từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật cho người bị tai nạn lao động. + Khi xảy ra tai nạn lao động, chủ trang trại phải khai báo với ủy ban nhõn dõn xó, phường, Phũng Lao động - Thương binh và Xó hội quận, huyện. Ủy ban nhõn dõn xó, phường cú trỏch nhiệm giới thiệu người bị tai nạn lao động đi giỏm định theo hồ sơ tai nạn lao động.	
14.	Thông tư số 12/2005/TT-BLĐTBXH ngày 28/01/2005 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16/4/2004 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động	Các mức phạt hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động.	
15.	Các Quyết định số: 1453/1995/QĐ - LĐTBXH ngày 13/10/1995; 915/1996/QĐ - LĐTBXH ngày 30/7/1996; 1629/1996/QĐ - LĐTBXH ngày 26/12/1996; 190/1999/QĐ - LĐTBXH ngày 3/3/1999; 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/9/2003 về việc ban hành danh mục nghề công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm.	Phân loại nghề, công việc theo mức độ nặng nhọc để làm cơ sở thực hiện các chế độ bồi dưỡng hiện vật, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, tiền lương và rút ngắn tuổi nghỉ hưu.	
16.	Các Quyết định số: 995/1998/QĐ - LĐTBXH ngày 22/9/1998;	<i>Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại)</i>	

	892/1999/QĐ LĐTBXH ngày 6/8/1999; 1320/1999/QĐ LĐTBXH ngày 6/10/1999; 722/2000/QĐ LĐTBXH ngày 2/8/2000; 205/2002/QĐ LĐTBXH ngày 21/2/2002	
17.	Quyết định 558/2002/QĐ - LĐTBXH ngày 10/5/2002.	Danh mục nghề, công việc người lao động được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2.2.5 – Các văn bản do Bộ Y tế ban hành

1.	Thông tư số 13/TT-BYT ngày 21/10/1996 của Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hiện quản lý môi trường lao động và sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.
2.	Thông tư số 09/2000/TT- BYT ngày 28/4/2000 của Bộ Y tế	Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3.	Chỉ thị số 12/2001/CT- BYT ngày 20/11/2001 của Bộ Y tế	Tổ chức thực hiện Tuần lễ Quốc gia An toàn – Vệ sinh lao động –Phòng chống cháy nổ hàng năm trong ngành y tế.
4.	Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế	Ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
5.	Chỉ thị số 07/2004/CT- BYT ngày 11/10/2004 của Bộ Y tế	Tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện ATVSLĐ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động nông nghiệp.

2.2.6- Các văn bản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

6.	Thông tư 71/2002/TT- BNN-CS ngày 12/8/2002	Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại của ngành NN&PTNT.
7.	Thông tư số 71/TT-BNN ngày 25/6/2003 hướng	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

	dẫn thực hiện Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003	
8.	Thông tư số 73/TT-BNN ngày 1/7/2003	Hướng dẫn thực hiện công tác KDTV nội địa.
9.	Quyết định số 82/2002/QĐ/BNN ngày 19/9/2002	Sửa đổi mẫu khai báo Kiểm dịch thực vật hàng thực vật ban hành theo Quyết định số 188/2000/QĐ/BNN-BVTV.
10.	Quyết định số 84/2002/QĐ-BNN ngày 24/9/2002	Quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
11.	Quyết định số 89/2002/QĐ-BNN ngày 08/10/2002	Kiểm dịch thực vật đối với giống cây và sinh vật có ích nhập khẩu.
12.	Quyết định 91/2002/QĐ-BNN ngày 11/10/2002	Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc BVTV.
13.	Quyết định 145/2002/QĐ-BNN ngày 18/12/2002	Thủ tục thẩm định sản xuất , gia công, đăng ký, xuất khẩu, nhập khẩu; về buôn bán, lưu chứa, tiêu hủy, nhãn thuốc, bao bì đóng gói, hội thảo, quảng cáo và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
14.	Quyết định 50/2003/QĐ-BNN ngày 25/3/2003	Kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc BVTV và khảo nghiệm thuốc BVTV mới nhằm mục đích đăng ký tại Việt Nam.
15.	Quyết định 61/2003/QĐ-BNN ngày 7/5/2003	Mẫu biểu sử dụng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành BV-KDTV.
16.	Quyết định số 82/2003/QĐ-BNN ngày 4/9/2003	Tiêu chuẩn ngành “Qui định về công tác điều tra phát hiện sinh vật gây hại cây trồng”.
17.	Quyết định số 16/2004/QĐ/BNN-BVTV ngày 20/4/2004	Các thủ tục kiểm tra vật thể và lập hồ sơ kiểm dịch thực vật.
18.	Quyết định số 19/2005/QĐ/BNN	Danh mục thuốc BVTV sử dụng cho cây rau.
19.	Chỉ thị số 18/CT-BNN-CB ngày 24/3/2005	Tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện ATVSLĐ trong sản xuất nông nghiệp.

20.	Quyết định số 321/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/3/2005	Thành lập Ban chỉ đạo ATVSLĐ-PCCN hàng năm của Bộ NN&PTNT
-----	--	---

2.2.7- Các văn bản liên quan đến ATVSLĐ do Bộ công nghiệp ban hành

TT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
1	Quyết định số 45 QĐ-KTAT ngày 15/12/1997	Tiêu chuẩn an toàn của ngành, quy trình kiểm tra, khám chai chứa C ₂ H ₂ .
2	Thông tư số 02 TT-KTAT ngày 21/3/1997	Tiêu chuẩn ngành, quy trình hướng dẫn quản lý KTAT điện trong ngành công nghiệp
3	Qui phạm an toàn trong các hầm lò than và diệp thạch TCN 14-06-2000 ban hành ngày 1/12/2000 theo QĐ 69/2000 QĐBCN	Quy trình về an toàn trong hoạt động khai thác trong hầm lò (Gồm 9 chương 538 điều; Chương 1 Quy định chung Chương 2: Tiến hành các công việc mở Chương 3: Thông gió hầm lò và chế độ bụi, khí Chương 4: Vận tải và trục tải Chương 5: Trang bị kỹ thuật điện Chương 6: Đề phòng và dập cháy Chương 7: Ngăn ngừa ngập nước các đường lò đang hoạt động Chương 8: Vệ sinh công nghiệp và môi trường sinh thái Chương 9: Điều khoản thi hành
4	Chỉ thị số 04/1999/CT-BCN về việc tăng cường công tác quản lý kỹ thuật an toàn trong các mỏ hầm lò than và các khoáng sản khác	-Thực hiện tốt 14 biện pháp nhằm nâng cao an toàn khai thác than ở các mỏ hầm lò. Thường xuyên báo cáo Bộ Công nghiệp tiến độ thực hiện các biện pháp trên. -Tổng kiểm tra tất cả các mỏ, mỏ nào chưa đủ điều kiện kỹ thuật an toàn tối thiểu theo qui định của Nhà nước, của Bộ và của Tổng công ty không cho phép tiến hành khai thác. -Kiểm tra lại và điều chỉnh mạng thông gió ở tất cả các mỏ hầm lò đảm bảo các yêu cầu thông gió theo cấp khí mỏ. -Đánh giá, chấn chỉnh hệ thống thiết bị, mạng điện các mỏ than hầm lò đảm bảo an toàn chế độ phòng nổ. Đưa ra khỏi lò các thiết bị, máy không đảm bảo an toàn phòng cháy nổ. -Thực hiện chế độ đo khí, phân tích khí, đo gió theo quy phạm kỹ thuật an toàn quy định.

		-Tổ chức huấn luyện lại cho tất cả cán bộ, công nhân ở các mỏ hầm lò về công tác phòng ngừa tai nạn do khí cháy nổ và khí độc gây nên.
	Quyết định số 41/2001/QĐ-BCN ngày 30/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp quy định về an toàn điện nông thôn	-Tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn đối với lưới điện hạ áp nông thôn, miền núi, hải đảo; hướng dẫn những biện pháp an toàn nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, nhà nước -Áp dụng cho công tác quản lý, thiết kế, nghiệm thu vận hành và sửa chữa lưới điện hạ áp nông thôn. -Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực và sử dụng điện tại Việt Nam; Tổ chức, cá nhân khi tiến hành các công việc khác có khả năng gây sự cố lưới điện hoặc gây tai nạn điện. -Ranh giới điện hạ áp nông thôn được xác định từ thiết bị đóng cắt tổng (cầu dao, áp tô mát) phía 0,4 KV của nguồn điện hạ áp đến công trình, nhà ở của tổ chức, cá nhân sử dụng điện nằm ngoài địa giới hành chính của thành phố, thị xã, thị trấn.
6	Thông tư số 07/2001/TT-BCN ngày 11/9/2001 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 8/7/199 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.	- Tiêu chuẩn kỹ thuật và mục đích sử dụng dây bọc. -Thẩm quyền của đơn vị quản lý lưới điện cao áp. -Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên không. -Cây trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp...
7	Chỉ thị số 05/2003/CT-BCN ngày 5/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc tăng cường công tác an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong năm an toàn công nghiệp 2003.	-Tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra theo những kế hoạch cụ thể việc chấp hành và xử lý các vi phạm quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, chế độ chính sách bảo hộ lao động của các đơn vị trong toàn ngành công nghiệp. Từng bước củng cố và nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả làm việc của bộ máy làm công tác an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực: Khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ

		công nghiệp; xây lắp, vận hành hệ thống điện; Phòng chống cháy nổ, bụi công nghiệp trong các ngành dệt may, thuốc lá, luyện kim, hoá chất.
8	Quyết định số 156/2003/QĐ-BCN ngày 2/10/2003 về việc ban hành Quy phạm an toàn Nhà máy tuyển.	-Việc quy hoạch, thiết kế, xây dựng nhà máy phải thực hiện theo các qui định của pháp luật hiện hành về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường. -Máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng của nhà máy phải được thiết kế, lắp đặt và định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa theo các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động. -Thiết bị và công nghệ mới khi nhập khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn - vệ sinh lao động và môi trường theo qui định hiện hành. -Người được phân công theo dõi công tác an toàn - vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường phải có trình độ đại học theo ngành nghề thích hợp, có ít nhất 3 năm làm việc trong lĩnh vực tuyển than, Nếu là trung học kỹ thuật thời gian làm việc trong lĩnh vực tuyển than ít nhất phải 5 năm. Khi thiết kế đường vận chuyển trong khu vực nhà máy, phải giảm thiểu sự giao cắt đồng mức giữa đường ô tô và đường sắt, Trường hợp có giao cắt phải có các biện pháp phòng ngừa tai nạn xảy ra. Các đường ống dẫn nước, dầu, khí, khí giao cắt với đường sắt, đường ô tô phải đặt trong vỏ chịu lực.
9	Quyết định số 91/2004/QĐ-BCN ngày 15/9/2004 về tổ chức và hoạt động của lực lượng cấp cứu mỏ chuyên trách	-Tổ chức, hoạt động, nguyên tắc tác chiến của lực lượng cấp cứu mỏ chuyên trách được áp dụng bắt buộc đối với lực lượng cấp cứu mỏ chuyên trách và các đối tượng có liên quan đến lực lượng cấp cứu mỏ chuyên trách trong quá trình phối hợp thủ tiêu sự cố ở mỏ.
10	Quyết định số 136/2004/QĐ-BCN ngày 19/11/2004 về việc ban hành danh mục các máy, thiết bị, hoá chất độc hại	-Quy chế áp dụng đối với các cơ quan quản lý, đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc ngành công nghiệp bao gồm: Cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng, dầu khí, khai thác khoáng sản, hoá

	có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp và quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, hoá chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp	chất (bao gồm cả hoá dược), vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác có liên quan đến máy, thiết, bị, hoá chất độc hại có yêu cầu đặc thù chuyên ngành công nghiệp.
11	Thông tư số 02/2004/TT-BCN ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện nghị định số 13/2003/NĐ-CP ngày 19/2/2003 của Chính phủ qui định “Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ”	-“Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ” bao gồm: Bổ sung danh mục hàng nguy hiểm là vật liệu nổ công nghiệp và hoá chất công nghiệp nguy hiểm; điều kiện hiểu biết của người lao động và điều kiện kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển khi tham gia vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hoá chất công nghiệp nguy hiểm.
12	Quyết định số 3532/QĐ-KHCN ngày 31/12/2004 về việc ban hành quy trình kiểm định an toàn	-Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi; -Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn bình chịu áp lực; -Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí, khí hoá lỏng; -Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí axetylen hoà tan; -Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng
13	Thông tư 02/2005/TT-BCN ngày 29/3/2005 hướng dẫn quản lý, sản xuất, kinh doanh cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	Trách nhiệm quản lý sản xuất, kinh doanh, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của các cơ quan quản lý nhà nước.

2.2.8- Các văn bản liên quan đến ATVSLĐ do Bộ Quốc phòng ban hành

TT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
1	Quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 18/7/1997	Chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.
2	Quyết định số 1255/QĐ-BQP ngày 25/9/1997	Chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động thuộc lĩnh vực quân sự

3	Quyết định số 884/1998/QĐ-BQP ngày 18/7/1998	Khai báo và điều tra tai nạn lao động trong quân đội
4	Quyết định số 1051/1999/QĐ-BQP ngày 13/9/1999	Tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động ở các doanh nghiệp, cơ sở sửa chữa, sản xuất, kinh doanh và các đơn vị dự toán trong quân đội.
5	Thông tư số 14/2004/TT-BQP ngày 16/12/2004	Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường và trợ cấp đối với quân nhân, công chức, công nhân viên quốc phòng và lao động hợp đồng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

2.2.9- Các tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm liên quan đến ATVSLĐ

Các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn lao động, vệ sinh lao động, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động là bắt buộc thực hiện.

Danh mục tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn – vệ sinh lao động xem chi tiết Phụ lục 3.

2.3- Các quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Thanh tra Lao động

2.3.1 – Theo Bộ Luật Lao động được sửa đổi, bổ sung năm 2002

- Điều 185:

Thanh tra Nhà nước về lao động có chức năng thanh tra chính sách lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương thực hiện thanh tra nhà nước về lao động.

- Điều 186:

Thanh tra nhà nước về lao động có các nhiệm vụ sau:

+ Thanh tra việc chấp hành các qui định về lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động;

+ Điều tra tai nạn lao động và những vi phạm tiêu chuẩn vệ sinh lao động;

+ Tham gia xây dựng và hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lao động theo qui định của Pháp luật;

+ Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật lao động

- **Điều 187:**

Khi tiến hành thanh tra, thanh tra viên lao động có quyền: (được qui định tại khoản 1, 2 và 4), trong đó :

Khoản 1: Thanh tra, điều tra những nơi thuộc đối tượng, phạm vi thanh tra được giao bất cứ lúc nào mà không cần báo trước;

Khoản 4: quyết định tạm đình chỉ việc sử dụng máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường lao động và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền .

2.3.2- Theo Luật Thanh tra năm 2004

Từ Điều 23 đến Điều 29 đã qui định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra chuyên ngành, lĩnh vực, trong đó có thanh tra Bộ và thanh tra Sở thuộc ngành LĐTBXH.

Từ Điều 45 đến Điều 52 đã qui định hoạt động của thanh tra chuyên ngành.

2.3.3– Theo Quyết định số 1118/2003/QĐ - BLĐTBXH
(Ban hành ngày 1/9/2003)

Tại Khoản 2, Điều 2 của Quyết định đã qui định: Thanh tra nhà nước về lao động theo qui định của Bộ Luật Lao động;

- Thanh tra việc chấp hành các qui định về lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động;

- Tổ chức, hướng dẫn điều tra, tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra tai nạn lao động, những vi phạm tiêu chuẩn lao động và vệ sinh lao động theo qui định; thống kê tai nạn lao động;

- Tham gia xây dựng và hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

2.4- Các quy định về trợ cấp, bồi thường TNLĐ và BNN

STT	Văn bản qui định	Tóm tắt nội dung
1	<i>Bộ Luật Lao động 1994</i>	

	Điều 149	Cơ chế đóng góp VÀO QUỸ BẢO HIỂM XÓ HỘI: Người sử dụng lao động đóng 15% tổng quỹ lương; Người lao động đóng 5% tiền lương; Nhà nước đóng và hỗ trợ thêm; Tiền sinh lời các quỹ.
2	<i>Luật Lao động sửa đổi bổ sung năm 2002</i>	
	<i>1. Khoản 3, Điều 107</i>	+ Người lao động được người sử dụng lao động bồi thường khi bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ít nhất 30 tháng tiền lương và phụ cấp lương nếu chết hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, từ 5% - 81% có quy định cụ thể mức bồi thường và trợ cấp. + Người lao động được người sử dụng lao động trợ cấp ít nhất bằng 12 tháng lương khi bị tai nạn lao động mà do lỗi của mỖNH.
	<i>2. Điều 141,</i>	DOANH NGHIỆP PHẢI THAM GIA LOẠI HỖNH BHXH BẮT BUỘC CHO NGƯỜI lao động làm việc có HĐLĐ từ đủ 3 tháng trở lên và người lao động được hưởng 5 chế độ trợ cấp BHXH, trong đó có chế độ TNLĐ, BNN.
	<i>3. Điều 143, Điều 146,</i>	Người lao động bị TNLĐ, BNN sau khi điều trị được giám định, xếp hạng thương tật để hưởng trợ cấp do BHXH trả. Trường hợp nếu NLĐ bị chết thỖ THÔN NHỖN được nhận tiền mai táng phí, được nhận chế độ tử tuất và hưởng chế độ tuất hàng tháng.

3	<i>Nghị định của Chính phủ</i>	
	<i>1. Điều 11, Nghị định 06//CP</i> ngày 20/1/1995 của Chính phủ (đó được sửa đổi, bổ sung)	Người sử dụng lao động phải bồi thường và trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
	<i>2. Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, Điều lệ Bảo hiểm XÓ HỘI VIỆT NAM,</i> ban hành kèm theo Nghị định 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ (đó được sửa đổi, bổ sung) quy định chi tiết chế độ trợ cấp từ hệ thống BHXH cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tham gia bảo hiểm XÓ HỘI.	- Khi người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sẽ được BHXH giới thiệu đến cơ quan giám định thương tật, xác định mức độ suy giảm khả năng lao động. Căn cứ vào mức độ suy giảm khả năng lao động quỹ BHXH sẽ chi trả trợ cấp 1 lần hoặc hàng tháng. - Ngoài ra NLĐ cũN được hưởng các chế độ khác: chế độ tử tuất khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
4	<i>Các thông tư</i>	
	1. Thông tư Liên tịch số 08/1998/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 20/4/1998 của Liên tịch Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và XÓ HỘI Hướng dẫn thực hiện các quy định về bệnh nghề nghiệp.	Người sử dụng lao động có trách nhiệm khám phát hiện, đưa đi giám định, giải quyết mọi chế độ, chăm sóc và giải quyết mọi chi phí y tế cho người lao động
	2. Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và XÓ HỘI Hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp từ người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp suy giảm khả năng lao động từ 5%	- Sau khi có kết quả giám định thương tật, người sử dụng lao động sẽ phải bồi thường hoặc trợ cấp cho người lao động theo mức suy giảm khả năng lao động từ 5% hoặc chết do TNLĐ, BNN. - Trường hợp người sử dụng lao động không đóng BHXH bắt buộc cho người lao động thỎ NGOÀI

	trở lên.	VIỆC BỒI THƯỜNG hoặc trợ cấp cho người lao động khi bị TNLĐ, BNN mà người sử dụng cŨN PHẢI CHI TRẢ TOÀN BỘ CỐC MỨC TRỢ CẤP Tương đương mà BHXH chi trả cho người lao động.
	3. Quyết định số 14/2004/QĐ-BTC ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức biểu phí các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có nguy cơ tai nạn lao động cao như xây dựng, lắp đặt bắt buộc tham gia loại hŨNH BẢO HIỂM BỒI THƯỜNG cho người lao động.	- Người lao động của doanh nghiệp bị tai nạn lao động sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường thay cho người sử dụng lao động - Mức biểu phí đóng bảo hiểm theo 30 tháng lương: Lao động gián tiếp làm việc tại văn phŨNG đóng 0.42%; Không phải lao động trực tiếp nhưng rủi ro lớn đóng 0.51%; Lao động trực tiếp đóng 0.62%; Những nghề nguy hiểm, dễ xảy ra TNLĐ đóng 0.72%.

2.5 - Tóm lược các yêu cầu ghi chép và báo cáo TNLĐ và BNN

(Theo Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT -BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 8/3/2005)

2.5.1- Các yêu cầu ghi chép và báo cáo TNLĐ

2.5.1.1 – Khai báo TNLĐ

- Tất cả các vụ tai nạn lao động xảy ra, người bị tai nạn lao động hoặc người cùng làm việc, người biết sự việc phải báo ngay cho người sử dụng lao động của cơ sở biết.

- Khi xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng thŨ Cơ sở để xảy ra tai nạn lao động phải khai báo bằng cách nhanh nhất với Thanh tra Sở Lao động-Thương binh và XÓ HỘI địa phương, cơ quan Công an cấp huyện nơi xảy ra tai nạn lao động và cơ quan quản lý CẤP TRÒN TRỰC TIẾP.

- Trường hợp người bị tai nạn lao động chết trong thời gian điều trị hoặc chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động thŨ Cơ sở phải khai báo với Thanh tra Sở Lao động-Thương binh và XÓ HỘI NGAY SAU KHI NGười bị tai nạn lao động chết để giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật.

- Tai nạn lao động xảy ra trong các lĩnh vực: Phóng xạ, thăm dũ, KHAI THÁC DẦU KHỐ; TRÒN CỐC PHương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không; các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang THỞ Cơ sở phải khai báo với cơ quan quản lý lĩnh vực đó.

2.5.1.2 – Thống kê và báo cáo TNLD

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày công bố biên bản điều tra tai nạn lao động, cơ sở phải thống kê tất cả những vụ tai nạn lao động làm người lao động THUỘC QUYỀN QUẢN LÝ PHẢI NGHỈ VIỆC TỪ MỘT NGÀY TRỞ LÊN VÀO SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG; Người lao động bị tai nạn lao động nhiều lần trong thời điểm thống kê, thỞ PHẢI được thống kê riêng từng trường hợp.

- Cơ sở có trụ sở chính đóng trên địa bàn của địa phương nào thỞ NGười sử dụng lao động phải báo cáo định kỳ tai nạn lao động với Sở Lao động-Thương binh và XÓ HỘI Ở địa phương đó và các cơ quan khác thuộc thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh.

- Cơ quan Công an sao gửi hồ sơ vụ tai nạn giao thông được coi là tai nạn lao động cho cơ sở có người bị tai nạn để thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ tai nạn lao động. Khi có đề nghị của cơ sở hoặc của người bị tai nạn, thân nhân người bị tai nạn thỞ việc sao gửi hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 20 ngày làm việc.

- Cơ sở phải tổng hợp và báo cáo định kỳ 6 tháng và một năm tởnh hỡnh tai nạn lao động gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xó hội và các cơ quan khác thuộc thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo cả năm. Nếu khụng cú tai nạn lao động thỞ cơ sở ghi rừ là "khụng cú tai nạn lao động".

- Sở Lao động-Thương binh và XÓ HỘI TỔNG HỢP VÀ BỎ CỎ TỎNH HỖNH TAI NẠN LAO ĐỘNG của 6 tháng gửi về Bộ Lao động-Thương binh và XÓ HỘI (CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG và Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và XÓ HỘI) VÀ CỤC THỐNG KÊ CỐC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 20 tháng 01 năm sau đối với báo cáo cả năm.

2.5.2- Các yêu cầu về hồ sơ và quản lý BNN

- Hồ sơ bệnh nghề nghiệp được tách và quản lý riêng theo quy định của Bộ Y tế và được lưu giữ suốt đời.

- Người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Y tế địa phương định kỳ từng quý, 6 tháng, một năm đối tượng khám bệnh nghề

nghiệp. Các Sở Y tế, Bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quý, 6 tháng, một năm về Bộ Y tế.

- Đối với quân đội: Trên cơ sở kết quả khám, giám định bệnh nghề nghiệp hàng năm do Khoa Y học lao động Quân sự – Bệnh nghề nghiệp tiến hành. Thường trực Hội đồng Giám định Y khoa - Bệnh nghề nghiệp Bộ quốc phòng, Quân Y, Chính sách và Tổ chức lao động đánh giá, xác nhận tỷ lệ mất sức lao động. Hồ sơ được Thường trực Hội đồng giám định Y khoa bệnh nghề nghiệp và đơn vị quản lý hồ sơ lưu và chuyển đến phòng Bảo hiểm xã hội thuộc Cục chính sách, Bộ quốc phòng để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội.

2.5.3 - Danh mục BNN được bảo hiểm xã hội và bồi thường từ người sử dụng lao động

TT	Tên các BNN được bảo hiểm	Văn bản qui định
1	Bệnh Bụi phổi Silic nghề nghiệp (BP Silic)	Thông tư 08/TTLB ngày 19/5/1976
2	Bệnh bụi phổi Atbet (Amiăng) (BP amiăng)	
3	Bệnh nhiễm độc chì và hợp chất của chì	
4	Bệnh nhiễm độc Benzen và các hợp chất đồng đẳng của benzen	
5	Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất thủy ngân	
6	Bệnh nhiễm độc Mangan và các hợp chất của mangan	
7	Bệnh do quang tuyến X và các chất phóng xạ	
8	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc nghề nghiệp)	
9	Bệnh bụi phổi bụng (BP - bụng)	Thông tư 29/TT-LB ngày 25/12/1991
10	Bệnh nhiễm độc TNT (Trinitro toluen)	
11	Bệnh rung chuyển nghề nghiệp	
12	Bệnh sạm da nghề nghiệp	
13	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc	
14	Bệnh lao nghề nghiệp	
15	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp	
16	Bệnh do xoắn khuẩn Leptospira nghề nghiệp	
17	Bệnh viêm phế quản mãn tính nghề nghiệp (Viêm (PQ-NN))	Quyết định 167/BYT-QĐ ngày 4/2/1997 của Bộ Y tế
18	Bệnh nhiễm độc asen và các hợp chất asen nghề nghiệp	
19	Bệnh nhiễm độc chất Nicotin nghề nghiệp	
20	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu nghề nghiệp	
21	Bệnh giảm ỏp mớn tớn nghề nghiệp	

2.6- Tóm lược các yêu cầu ATVSLĐ trong thoả ước lao động tập thể

- Căn cứ vào các qui định của Bộ luật lao động, các qui định dưới luật thoả ước lao động tập thể cần có các nội dung sau:

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi: qui định rõ thời gian làm việc trong ngày, trong tuần; giờ giải lao, bố trí ca kíp, ngày nghỉ trong tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng, chế độ làm thêm giờ

- Trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động trong việc tổ chức và thực hiện nội qui, qui trình, qui phạm, biện pháp làm việc an toàn; về điều kiện nơi làm việc.

- Huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

- Chế độ chăm sóc sức khoẻ người lao động như khám sức khoẻ, phát hiện bệnh nghề nghiệp, nghỉ điều dưỡng, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Chế độ đối với lao động nữ, lao động vị thành niên.

Pháp luật khuyến khích ký các thoả ước lao động có lợi hơn cho người lao động so với qui định của Pháp luật Lao động

2.7- Các Công ước và các tiêu chuẩn quy phạm liên quan đến ATVSLĐ của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO)

- Việt nam đã tham khảo các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế liên quan đến ATVSLĐ trong quá trình xây dựng các khung pháp lý và chính sách về ATVSLĐ ở Việt Nam. Đối với các công ước đã được Việt Nam phê chuẩn, Việt nam tôn trọng và thể hiện trong luật pháp của mình.

- Chiến lược toàn cầu về an toàn - vệ sinh lao động giai đoạn 2001 – 2010 và định hướng đến năm 2020 của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Danh mục các công ước của Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) liên quan đến an toàn - vệ sinh lao động đã được Việt nam phê chuẩn xem phụ lục 4.

2.8- Những thách thức, khó khăn, trở ngại trong việc cải thiện ATVSLĐ

- Với chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường, khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển, thực hiện chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá để trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, trong những năm qua nền kinh tế Việt nam đã phát triển khá nhanh. Việc sử dụng máy móc, thiết bị, hoá chất ngày càng nhiều, chất thải

công nghiệp gia tăng nhưng nhận thức về an toàn – vệ sinh lao động và môi trường còn rất hạn chế, do đó gây ra những nguy cơ mất an toàn – vệ sinh lao động và ô nhiễm môi trường. Năm 2005, Việt Nam đã có 160 ngàn doanh nghiệp, 2,6 triệu hộ sản xuất kinh doanh với trên 43 triệu lao động, trong đó 77,5% lực lượng lao động chưa qua đào tạo nghề, thiếu kiến thức về an toàn – vệ sinh lao động.

- Cán bộ làm công tác an toàn – vệ sinh lao động thiếu, không được đào tạo hệ thống nên hạn chế về chuyên môn; Các phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý nhà nước chưa được đầu tư thoả đáng.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động nhiều lúc còn chồng chéo, chưa thống nhất; Thiếu các tiêu chuẩn, qui phạm, qui trình an toàn - vệ sinh lao động.

- Năng lực thông tin, tuyên truyền, giáo dục - đào tạo và huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động rất hạn chế dẫn đến sự hiểu biết của người dân nói chung, người lao động nói riêng về các mối nguy cơ và phương pháp phòng tránh không được đầy đủ.

- Số liệu thống kê tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp còn thấp xa so với thực tế; Rất ít doanh nghiệp báo cáo tai nạn lao động hàng năm; Tai nạn lao động trong nông, lâm, ngư nghiệp, trong các cơ sở do tư nhân quản lý không được báo cáo; thiệt hại kinh tế do mất an toàn – vệ sinh lao động chưa được lượng tính,... nên rất khó khăn trong việc ra các quyết sách, lựa chọn ưu tiên để cải thiện an toàn – vệ sinh lao động.

- Việt Nam chưa có chính sách đòn bẩy về kinh tế làm động lực cho các doanh nghiệp thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động như quỹ bồi thường tai nạn lao động.